

**THÔNG BÁO**  
**Thông báo về việc bán đấu giá tài sản (Lần 5)**

*Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Nay là Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh);*

*Căn cứ Bản án số 508/2023/HS-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 03/QĐ-SCBSBA ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ quyết định thi hành án chủ động số 02/QĐ-CTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);*

*Căn cứ quyết định thi hành án theo yêu cầu số 03/QĐ-CTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);*

*Căn cứ quyết định thi hành án theo yêu cầu số 04/QĐ-CTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);*

*Căn cứ quyết định thi hành án theo yêu cầu số 545/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);*

*Căn cứ quyết định thi hành án theo yêu cầu số 991/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);*

*Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 48/QĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);*

*Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 009/2025/072512 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai;*

*Căn cứ thông báo đấu giá tài sản số 116-04/2026/TB-MĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Đông;*

Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai thông báo về việc tổ chức bán đấu giá tài sản theo thủ tục rút gọn như sau:

**a) Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản:**

Công ty Đấu giá hợp danh Miền Đông.

Địa chỉ Trụ sở: 39/68 Đồng Khởi, khu phố 2, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai

**b) Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:**

**Tài sản đấu giá:**

**Tài sản thứ nhất:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2975, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,3m<sup>2</sup> (có 17,2m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 115,3m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157515; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12557. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Phạm Thanh Sơn, cấp ngày 22/12/2020.

**Tài sản thứ hai:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2974, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,3m<sup>2</sup> (có 17,3m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 115,3m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157266; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12556. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Phạm Thanh Sơn, cấp ngày 22/12/2020.

**Tài sản thứ ba:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 3027, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 227,7m<sup>2</sup> (có 20,2m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 127,7m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 17/01/2048; Số sổ phát hành: CY 157567;

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12551. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Phạm Thanh Sơn, cấp ngày 22/12/2020.

**Tài sản thứ tư:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2973, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,3m<sup>2</sup> (có 17,3m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 115,3m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157267; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12555. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Phạm Thanh Sơn, cấp ngày 22/12/2020.

**Tài sản thứ năm:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 3008, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 208,9m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 108,9m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 17/01/2048; Số sổ phát hành: CY 157502; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12570. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Nguyễn Dương Thỏa, cấp ngày 22/12/2020 (Diện tích giảm 19.6m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường nhựa theo BĐDC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024).

**Tài sản thứ sáu:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2978, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,1m<sup>2</sup> (có 16,9m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 115,1m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157248; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12480. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

**Tài sản thứ bảy:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2939, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 190,7m<sup>2</sup> (có 15.8m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 90,7m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157255; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12498. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 (Diện tích giảm 0.8m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐDC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024).

**Tài sản thứ tám:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2979, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,5m<sup>2</sup> (có 16,9m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 115,5m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157247; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12481. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

#### **Tài sản thứ chín:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2943, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 191,4m<sup>2</sup> (có 16,2m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 91,4m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157251; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12502. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

#### **Tài sản thứ mười:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2970, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 156,9m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 93,0m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 63,9m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157239; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12468. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 (*Diện tích giảm 25.3m<sup>2</sup> “trong đó có 7.0m<sup>2</sup> ODT” so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐDC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024*).

#### **Tài sản thứ mười một:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2966, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 156,9m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 97,5m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 59,4m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157243; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12472. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 (*Diện tích giảm 20.4m<sup>2</sup> “trong đó có 2.5m<sup>2</sup> ODT” so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐDC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024*).

#### **Tài sản thứ mười hai:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích:

157,1m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 94.5m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 62.6m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157240; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12469. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 (*Diện tích giảm 23.9m<sup>2</sup> “trong đó có 5.5m<sup>2</sup> ODT” so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐDC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024*).

#### **Tài sản thứ mười ba:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2980, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,3m<sup>2</sup> (*có 16,8m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ*); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 115,3m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157246; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12482. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

#### **Tài sản thứ mười bốn:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2968, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 156,8m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 95.3m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 61.5m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157241; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12470. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 (*Diện tích giảm 22.9m<sup>2</sup> “trong đó có 4.7m<sup>2</sup> ODT” so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐDC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024*).

#### **Tài sản thứ mười lăm:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2946, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 191,3m<sup>2</sup> (*có 16,1m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ*); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 91,3m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157524; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12524. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 21/12/2020.

#### **Tài sản thứ mười sáu:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2994, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 233,3m<sup>2</sup> (*có 13m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ*); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm

133,3m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 17/01/2048; Số sổ phát hành: CY 157559; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12488. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

**Tài sản thứ mười bảy:**

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2995, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 233,5m<sup>2</sup> (có 13m<sup>2</sup> nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 133,5m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 17/01/2048; Số sổ phát hành: CY 157410; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12478. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

**a) Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá.**

- Thời gian xem tài sản:

Từ 07 giờ 00 phút ngày 10/3/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 13/3/2026.

Địa điểm xem tài sản: Ấp 7, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai).

**b) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá.**

-Thời gian:

Từ 07 giờ 00 phút ngày 10/3/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 24/3/2026 (trong giờ hành chính)

-Địa điểm: tại Trụ sở Công ty Đấu giá hợp danh Miền Đông, địa chỉ: 39/68 Đồng Khởi, khu phố 2, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai. Liên hệ SĐT 0251.626.5508 để được hướng dẫn.

**đ) Giá khởi điểm của tài sản đấu giá.**

- **Tài sản thứ 1: 462.819.599 đồng** (Bốn trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm mười chín nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 2: 462.721.001 đồng** (Bốn trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, không trăm linh một đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 3: 484.313.990 đồng** (Bốn trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm mười ba nghìn, chín trăm chín mươi đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 4: 462.721.001 đồng** (Bốn trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, không trăm linh một đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 5: 467.157.916 đồng** (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm mười sáu đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 6: 462.721.001 đồng** (Bốn trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, không trăm linh một đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 7: 415.689.695 đồng** (Bốn trăm mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 8: 463.509.786 đồng** (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm linh chín nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 9: 416.675.505 đồng** (Bốn trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm linh năm đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 10: 397.878.930 đồng** (Ba trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 11: 400.363.602 đồng** (Bốn trăm triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm linh hai đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 12: 399.148.874 đồng** (Ba trăm chín mươi chín triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi bốn đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 13: 463.213.991 đồng** (Bốn trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm mười ba nghìn, chín trăm chín mươi một đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 14: 398.928.014 đồng** (Ba trăm chín mươi tám triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, không trăm mười bốn đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 15: 416.577.079 đồng** (Bốn trăm mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 16: 627.683.552 đồng** (Sáu trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 17: 628.188.374 đồng** (Sáu trăm hai mươi tám triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

**Tổng giá trị của 17 tài sản là: 7.830.311.910 đồng** (Bảy tỷ, tám trăm ba mươi triệu, ba trăm mười một nghìn, chín trăm mười đồng). Giá này chưa bao gồm/hoặc đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

**\*Ghi chú:** Giá khởi điểm trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) lệ phí trước bạ, phí công chứng, các khoản thuế, phí, lệ phí khác liên quan đến việc

chuyên quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (nếu có) do người trúng đấu giá chi trả.

**Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước.**

- Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá: **200.000đ/hồ sơ.**

**\*Tiền đặt trước:**

- **Tài sản thứ 1: 92.563.920 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm hai mươi đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 2: 92.544.200 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 3: 96.862.798 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, bảy trăm chín mươi tám đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 4: 92.544.200 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 5: 93.431.583 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi một ngàn, năm trăm tám mươi ba đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 6: 92.544.200 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 7: 83.137.939 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, một trăm ba mươi bảy ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 8: 92.701.957 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, bảy trăm lẻ một ngàn, chín trăm năm mươi bảy đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 9: 83.335.101 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi lăm ngàn, một trăm lẻ một đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 10: 79.575.786 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 11: 80.072.720 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, bảy trăm hai mươi đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 12: 79.829.775 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 13: 92.642.798 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, bảy trăm chín mươi tám đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 14: 79.785.603 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 15: 83.315.416 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, ba trăm mười lăm ngàn, bốn trăm mười sáu đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 16: 125.536.710 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, bảy trăm mười đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 17: 125.637.675 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tổng giá trị khoản tiền đặt trước của 17 tài sản: 1.566.062.382 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi hai đồng) tương đương với 20% giá khởi điểm.

Người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Công ty đấu giá hợp danh Miền Đông mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai. Thông tin cụ thể như sau:

+ **Người thụ hưởng:** Công ty đấu giá hợp danh Miền Đông

+ **Số tài khoản:** 19036549762013

+ **Mở tại:** Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai.

**Thời hạn nộp tiền đặt trước:**

Trong giờ hành chính Từ 07 giờ 00 phút ngày 10/3/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 24/3/2026.

**g) Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.**

- **Thời gian đăng ký:**

Từ 07 giờ 00 phút ngày 10/3/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 24/3/2026.

-**Địa điểm đăng ký:**

Tại trụ sở công ty đấu giá: số 39/68 Đồng Khởi, khu phố 2, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai. Liên hệ SĐT 0251.626.5508 để được hướng dẫn.

- Điều kiện: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ đăng ký; tiền mua hồ sơ; tiền đặt trước theo quy định, trừ các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản 2016.

- Cách thức: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ đấu giá hợp lệ, nộp tiền đặt trước đúng thời gian quy định.

**h) Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:**

Bắt đầu từ 08 giờ 00 phút ngày 26/03/2026 (các cuộc đấu giá được tổ chức lần lượt bắt đầu đấu giá từ tài sản thứ nhất đến khi kết thúc đấu giá tài sản thứ 17) tại Trụ sở Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Đồng Nai - Địa chỉ: Xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.

Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: tại Hội trường Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Đồng Nai; Địa chỉ: Thôn 1, xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.

**i) Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.**

-Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá

-Phương thức đấu giá: trả giá lên.

Bà Lê Thị Thanh, ông Châu Lê Minh Vẹn có quyền nhận lại tài sản trước khi mở cuộc bán đấu giá tài sản 01 ngày làm việc, nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

❖ *Lưu ý: -Thông báo này thay cho thư mời tham gia đấu giá.*

❖ *-Người mua được tài sản đấu giá tự liên hệ làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND phường Minh Hưng - Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Đồng Nai;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Trang thông tin điện tử của THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Đặng Văn Hiếu).

**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Đặng Văn Hiếu**